

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 27-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Thắng và bà Hồ Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023, đối với:

- Các bị cáo:

1/ Nguyễn Thanh V, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh năm 1993, tại tỉnh B. Nơi thường trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê, Trình độ học vấn: 08/12. Con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L. Bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Hồng L (đã ly hôn). Bị cáo có một người con sinh năm 2017. Tiền án: 01 tiền án: Ngày 25/11/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh B tuyên phạt 18 tháng tù về Tội giao cấu với trẻ em, theo bản án số 147/2014/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí, chưa bồi thường xong phần dân sự. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Văn T tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh năm 1994, tại tỉnh B. Nơi thường trú: Thôn A, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Thiên chúa. Nghề nghiệp: Làm thuê, Trình độ học vấn: 04/12. Con ông: Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị V. Bị cáo có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1959. Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

+Anh Nguyễn Nhật T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 11/7/2022, Trần Văn T đang ở thị xã P, tỉnh Bình Phước thì nhận được cuộc gọi điện thoại di động có số 0399.203.993 của Nguyễn Thanh V đến số 0357.814.824 của T với nội dung là “kiểm miếng về chơi chia đôi tiền” (có nghĩa là V nói T mua ma túy về cùng sử dụng và tiền chia đôi để trả), thì T đồng ý. Sau đó, T đi đến phường Long Thủy, thị xã P, tỉnh Bình Phước gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) mua 400.000 đồng ma túy (ma túy được để trong một đoạn ống hút nhựa, hàn kín hai đầu và một đoạn ống thủy tinh hình phễu (là nôi dùng để sử dụng ma túy). Mua được ma túy, T bỏ ma túy vào trong túi quần bên phải cất giấu, rồi T điều khiển xe mô tô biển số 60B2 - 138.69 mượn của anh Lâm Ngọc P đi về thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đăng. Nhưng do trời mưa to, nên T nhắn tin cho V là “mưa to quá tao về nhà luôn rồi”. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 12/7/2022, V gọi cho T nói mang ma túy qua phòng trọ của V để cùng nhau sử dụng. Sau khi nghe điện thoại của V, T lấy gói ma túy đã mua cắt ra đổ ma túy vào ống thủy tinh hình phễu, dùng bật lửa (quẹt ga) nấu lên cho kết dính lại, rồi T bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, lấy xe mô tô biển số 60B2 - 138.69 đi đến phòng trọ V thuê của ông Huỳnh Văn T thuộc thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đăng để cùng V sử dụng ma túy. Khi T vừa bước vào bên trong phòng của V thì Công an xã Đ, huyện Bù Đăng đến kiểm tra. T đã tự nguyện lấy trong túi quần bên phải của mình ra 01 ống nỏ thủy tinh hình phễu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đã mua để sử dụng. Thấy có sự việc phạm tội, nên Công an xã Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T và Nguyễn Thanh V, đồng thời thu giữ, niêm phong vật chứng (ký hiệu M có chữ ký của T và V), 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Trần Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ của Nguyễn Thanh V, 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Sau đó, Công an xã Đ chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện B để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 165 ngày 21/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Chất rắn màu trắng đục (ký hiệu M) có trong ống nỏ thủy tinh được niêm phong là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1646 gam.

-Tại bản cáo trạng số: 09/CTr –VKS ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh V và Trần Văn T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

-Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh V và Trần Văn T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Đề nghị:

+Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư đựng mẫu hoàn lại sau giám định số 165 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

+ Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; Trả lại cho bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ.

+ 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng đã trả lại cho T nên không xem xét.

+ 01 xe mô tô biển số 60B2-138.69 T khai mượn của anh Lâm Ngọc P, tuy nhiên chưa làm việc được với anh Phước cũng như chưa có kết quả ủy thác của Công an tỉnh Đồng Nai nên tách ra, tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không xem xét.

+ Về án phí buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Đối với người đàn ông là người bán ma túy cho T, không rõ nhân thân, lý lịch, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, VKS không đề cập xem xét.

- Đối với ông Huỳnh Văn T1 là chủ phòng trọ và Nguyễn Nhật T2 là người được ông Thiện giao quản lý phòng trọ tại thôn 2, xã Đ không biết V và T sử dụng phòng trọ để sử dụng ma túy, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, VKS không đề cập xem xét.

- Đối với Lâm Ngọc P là người cho T mượn xe mô tô biển số 60B2 – 138.69 sử dụng đi mua ma túy nhưng chưa làm việc được với Phước nên chưa có căn cứ để xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau, VKS không đề cập xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh V và Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố,

không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do các bị cáo là người nghiện ma túy, Vào khoảng 21 giờ ngày 11/7/2022, bị cáo V sử dụng điện thoại gọi cho bị cáo T đang ở thị xã P, tỉnh Bình Phước nói mua ma túy về cùng sử dụng và tiền chia đôi để trả, thì T đồng ý. Sau đó, T đi đến phường Long Thủy, thị xã P, tỉnh Bình Phước gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) mua 400.000 đồng ma túy (ma túy được để trong một đoạn ống hút nhựa, hàn kín hai đầu và một đoạn ống thủy tinh hình phễu (là nôi dùng để sử dụng ma túy). Mua được ma túy, T bỏ ma túy vào trong túi quần bên phải cất giấu, rồi T điều khiển xe mô tô biển số 60B2 - 138.69 mượn của anh Lâm Ngọc P đi về thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đăng. Nhưng do trời mưa to, nên T nhắn tin cho V là mưa to quá về nhà luôn rồi. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 12/7/2022, V gọi cho T nói mang ma túy qua phòng trọ của V để cùng nhau sử dụng. Sau khi nghe điện thoại của V, T lấy gói ma túy đã mua cắt ra đổ ma túy vào ống thủy tinh hình phễu, dùng bật lửa (quẹt ga) nấu lên cho kết dính lại, rồi T bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, lấy xe mô tô biển số 60B2 - 138.69 đi đến phòng trọ V thuê của ông Huỳnh Văn T1 thuộc thôn 2, xã Đ, huyện Bù Đăng để cùng V sử dụng ma túy. Khi T vừa bước vào bên trong phòng của V thì Công an xã Đ, huyện Bù Đăng đến kiểm tra. T đã tự nguyện lấy trong túi quần bên phải của mình ra 01 ống nỏ thủy tinh hình phễu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đã mua để sử dụng. Công an xã Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T và Nguyễn Thanh V, đồng thời thu giữ, niêm phong vật chứng (ký hiệu M có chữ ký của T và V), 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Trần Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ của Nguyễn Thanh V, 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Công an xã Đ chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 165 ngày 21/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Chất rắn màu trắng đục (ký hiệu M) có trong ống nỏ thủy tinh được niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1646 gam.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo V và bị cáo T đã phạm vào “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân nên đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh V: Bị cáo V là người đã từng sử dụng ma túy, vì muốn có ma túy để sử dụng, V đã trực tiếp gọi điện rủ T góp tiền mua ma túy cất giữ sử dụng.

Bị cáo V có một tiền án: Ngày 25/11/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội giao cấu với trẻ em theo Bản án số 147/2014/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí, chưa bồi thường xong phần dân sự. Do đó, đối với lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, gia đình bị cáo có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Văn T

Bị cáo T là người từng sử dụng ma túy, để có ma túy sử dụng, bị cáo T đã đồng ý nhận lời khi bị cáo V rủ góp tiền mua ma túy cùng sử dụng và là người trực tiếp mua ma túy cất giữ để sử dụng.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc xem xét vai trò phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa những lỗi lầm của mình và trở thành những người có ích cho xã hội.

[4] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 165 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước. Tuyên trả cho bị cáo Trần

Văn T 01 điện thoại di động OPPO màu xanh. Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Thanh V 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ. (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009995 ngày 12/01/2023 giữa cơ quan Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

+ 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, cơ quan Công an đã trả lại cho bị cáo T nên không xem xét.

+ 01 xe mô tô biển số 60B2-138.69 T khai mượn của anh Lâm Ngọc P, tuy nhiên chưa làm việc được với anh Phước cũng như chưa có kết quả ủy thác của Công an tỉnh Đồng Nai nên cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đăng tách ra, tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không xem xét.

[5] Đối với người đàn ông là người bán ma túy cho T, không rõ nhân thân, lý lịch, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, VKS không đề cập nên không xem xét.

- Đối với ông Huỳnh Văn T1 là chủ phòng trọ và Nguyễn Nhật T2 là người được ông Thiện giao quản lý phòng trọ tại thôn 2, xã Đ không biết V và T sử dụng phòng trọ để sử dụng ma túy, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, VKS không đề cập nên không xem xét.

- Đối với Lâm Ngọc P là người cho T mượn xe mô tô biển số 60B2 – 138.69 sử dụng đi mua ma túy nhưng chưa làm việc được với Phước nên chưa có căn cứ để xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau, VKS không đề cập nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp theo luật định.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh V và Trần Văn T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 18(mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2022. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T 15(mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2022. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 165 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước. Tuyên trả cho bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động OPPO màu xanh. Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Thanh V 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ. (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009995 ngày 12/01/2023 giữa cơ quan Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

Đối với 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, cơ quan Công an đã trả lại cho bị cáo T nên không xem xét. Đối với 01 xe mô tô biển số 60B2-138.69 T khai mượn của anh Lâm Ngọc P, tuy nhiên chưa làm việc được với anh Phước cũng như chưa có kết quả ủy thác của Công an tỉnh Đồng Nai nên cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đăng tách ra, tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

